

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2023/DS-PT
Ngày: 11-12-2023
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3951/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Châu T – Hội viên Hội luật gia Việt Nam tỉnh B.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Cao Thúy O, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thúy O:

1. Ông Cao Hoài Đ, sinh năm 1971.

2. Ông Cao Hoài K1, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2.2. Ông Cao Hoài K1, sinh năm 1967.

2.3. Ông Cao Hoài Đ, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Hoài K1, ông Cao Hoài Đ: Ông Võ Thành L1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà A, Khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre:
Ông Đoàn Hữu T1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1969, ông Lê Khắc P có cho bà Lê Thị K (bà K là con ruột của ông P) khoảng 6.000m² đất tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Năm 1979, Bí thư xã N lấy phần đất của ông P giao cho ông Cao Văn B sử dụng, sau khi ông Cao Văn B chết thì bà Cao Thúy O, ông Cao Hoài K1, ông Cao Hoài Đ sử dụng đến năm 2019 thì bà O, ông K1, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 18 có diện tích 918,8m²; thửa 155, tờ bản đồ số 17 có diện tích 1783,7m². Ông K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 136, tờ bản đồ số 17, có diện tích 2301,2m². Bà O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 17, có diện tích 1566,9m²; năm 2020 bà O tách thửa 154 thành hai thửa là 547 có diện tích 786,4m² và thửa 548 có diện tích 780,5m² rồi tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 547 cho ông Đ, tặng cho ông K1 thửa 548, ông Đ, ông K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được bà O tặng cho.

Nguyên đơn cho rằng gia đình của nguyên đơn không thuộc trường hợp phải bị tịch thu ruộng đất nhưng do người có thẩm quyền trước đây làm không đúng nên gia đình có khiếu nại Quyết định số: 229/UB/QĐ ngày 02/3/1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, ngày 05/7/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh B có ban hành Quyết định số: 1493/QĐ-UB không giải quyết theo đơn khiếu nại của bà L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh X lại Quyết định số: 229/UB/QĐ ngày 02/3/1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc tịch thu ruộng đất theo Quyết định số: 188/CP-76, không đồng ý với quyết định trên nên bà L có gửi đơn nhiều nơi nhưng không được giải quyết; ngoài ra nguyên đơn cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là không đúng pháp luật vì lúc này giữa các bên đã phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Do đó, bà K yêu cầu: Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài Đ vào ngày 29/8/2019 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 155, tờ bản đồ số 17. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài K1 ngày 29/8/2019 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 17. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài Đ đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 17 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 11/12/2020 và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà O với ông Đ; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Cao Thúy O đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 17 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà O ngày 28/8/2020. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài K1 đối với thửa đất số 548, tờ bản đồ số 17 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông K1 ngày 11/12/2020 và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà O với ông K1; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Cao Thúy O đối với thửa đất số 548, tờ bản đồ số 17 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà O ngày 28/8/2020. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Cao Thúy O đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 17 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà O ngày 29/8/2019. Công nhận cho bà Lê Thị K được quyền sử dụng các thửa đất số 136, 144, 155, 547, 548 và buộc ông Cao Hoài K1 phải di dời tài sản để giao trả thửa đất số 548, 136 cho bà Lê Thị K, buộc ông Cao Hoài Đ phải di dời tài sản để giao trả thửa đất số 547, 155 cho bà Lê Thị K, tất cả các thửa đất tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Riêng thửa đất số 144 có nền mộ nên bà yêu cầu trả đất bằng giá trị quyền sử dụng đất theo mức giá mà Hội đồng định giá đã định.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Cao Hoài K1, ông Cao Hoài Đ (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thúy O) và người đại diện theo ủy quyền của ông K1, ông Đ trình bày:

Ủy ban nhân dân tỉnh B có quyết định thu hồi đất của ông P, sau đó ông B được Nhà nước giao đất để sử dụng vào năm 1979, sau khi ông B chết thì ông K1,

ông Đ, bà O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định của pháp luật; việc ông B được giao đất là theo chủ trương chung của Nhà nước, của Chính Phủ nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà K, không đồng ý giao trả đất.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M trình bày:

Thực hiện Quyết định số 188/CP ngày 25/9/1976 của Hội đồng Chính Phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền nam Việt Nam, ngày 02/3/1979, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số: 229/QĐ-UB buộc ông Lê Khắc P hiến đất để trang trải cấp cho các hộ dân trong đó có hộ của ông Cao Văn B; gia đình ông P có khiếu nại Quyết định số: 229/QĐ-UB nên ngày 05/7/1999 Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số: 1493/QĐ-UB với nội dung là không giải quyết theo đơn khiếu nại của bà L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh X lại Quyết định số: 229/QĐ-UB ngày 02/3/1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M xem xét nhu cầu sử dụng đất của hộ bà L để giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai; các quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh B chưa bị thay thế, hủy bỏ theo quy định của pháp luật; đồng thời Ủy ban nhân dân huyện M cũng đã xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 17 có diện tích 5066,5m² và thửa 96, tờ bản đồ số 17 có diện tích 4056,3m².

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện M không nhận được bất kỳ đơn thư tranh chấp có liên quan đến các thửa đất từ phía gia đình của bà K nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà K có yêu cầu.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 đã tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K về việc yêu cầu: Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài Đ đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 18, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 17, thửa đất số 547, tờ bản đồ số 17; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài K1 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 17, thửa đất số 548, tờ bản đồ số 17; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Cao Thúy O với ông Cao Hoài Đ đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 17, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Cao Thúy

O với ông Cao Hoài K1 đối với thửa đất số 548, tờ bản đồ số 17; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Cao Thúy O đối với thửa đất số 547, 548, tờ bản đồ số 17, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 17.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K về việc yêu cầu công nhận cho bà Lê Thị K được quyền sử dụng các thửa đất số 136, 144, 155, 547, 548 và buộc ông Cao Hoài K1, ông Cao Hoài Đ phải di dời tài sản để giao trả đất cho bà Lê Thị K.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/8/2023, nguyên đơn bà Lê Thị K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc không thể hiện ông Cao Hoài Đ, ông Cao Hoài K1 là bị đơn, do đó việc bà Cao Thúy O ủy quyền cho ông Đ, ông K1 sau đó ông Đ, ông K1 ủy quyền lại cho ông Lê Thành L2 là không đúng quy định pháp luật vì không được ủy quyền lại. Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho ông Đ, ông K1 ủy quyền lại là vi phạm tố tụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị K; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M là ông Đoàn Hữu T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị K tranh chấp với bị đơn ông Cao Hoài K1 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 17, diện tích 2.301,2m² và thửa đất số 548, tờ bản đồ số 17, diện tích 780,5m², tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre hiện do ông Cao Hoài K1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng.

Bà Lê Thị K tranh chấp với ông Cao Hoài Đ đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.783,7m²; thửa đất số 547, tờ bản đồ số 17, diện tích 786,4m² và thửa đất số 144, tờ bản đồ số 18, diện tích 918,8m² hiện do ông Cao Hoài Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng.

Trong đó, thửa đất số 547 và 548 được tách từ thửa đất số 154, tờ bản đồ số 17 của bà Cao Thúy O, bà O tặng cho ông K1 thửa 548 và tặng cho ông Đ thửa 547. Bà K yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà O với ông Đ, ông K1.

[3] Các đương sự thống nhất nguồn gốc các thửa đất tranh chấp là của ông Lê Khắc P bị Nhà nước tịch thu và cấp lại cho ông Cao Văn B quản lý, sử dụng vào năm 1979.

Tuy nhiên, nguyên đơn bà Lê Thị K cho rằng phần đất của cha bà là ông Lê Khắc P không thuộc trường hợp bị tịch thu ruộng đất. Cha bà đã tặng cho bà phần đất hiện nay do bị đơn sử dụng do đó bà yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn.

Bị đơn bà Cao Thúy O, ông Cao Hoài Đ, ông Cao Hoài K1 cho rằng việc cha của bị đơn là ông Cao Văn B được giao đất là theo chủ trương của Nhà nước, của Chính phủ nên không đồng ý giao trả lại cho nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thực hiện theo Quyết định số 188/CP-76 của Hội đồng Chính phủ về chính sách xóa bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền nam Việt Nam, ngày 02/3/1979 Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 229/QĐ-UB về việc tịch thu ruộng đất, buộc ông Lê Khắc P hiến đất để trang trải cấp cho các hộ dân trong đó có hộ của ông Cao Văn B. Không đồng ý với Quyết định số 299/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh B, bà Lê Ngọc L là con của ông Lê Khắc P khiếu nại quyết định trên. Ngày 05/7/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh

Ban hành Quyết định số 1493/QĐ-UB không giải quyết theo đơn khiếu nại của bà Lê Ngọc L.

Xét thấy, việc tịch thu ruộng đất của ông Lê Khắc P và cấp lại cho ông Cao Văn B là thực hiện theo chủ trương, chính sách của Nhà nước. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”*. Như vậy, việc bà K đòi lại phần đất đã được Nhà nước giao cho ông Cao Văn B là không phù hợp với quy định pháp luật.

Từ khi được giao đất, ông Cao Văn B trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Đến năm 1997, ông B lập di chúc phân chia quyền sử dụng đất lại cho các con là Cao Thúy O, Cao Hoài Đ, Cao Hoài K1. Năm 2019, bà O, ông K1, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà K là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nên đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy, theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 bà Lê Thị K khởi kiện bà Cao Thúy O, ông Cao Hoài Đ, ông Cao Hoài K1 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà O, ông Đ, ông K1 là bị đơn là phù hợp và được thể hiện rõ trong nội dung bản án sơ thẩm. Việc bà O ủy quyền cho ông Đ, ông K1 tham gia tố tụng còn ông Đ, ông K1 ủy quyền cho ông Lê Thành L2 tham gia tố tụng là không vi phạm tố tụng vì quyền lợi đại diện của các bên không đối lập nhau. Mặt khác, đây cũng không phải là ủy quyền lại cho người thứ ba. Do đó, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị K phải chịu án phí, tuy nhiên bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Căn cứ vào các Điều 26, 166, 170 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đối với bà Cao Thúy O, ông Cao Hoài Đ, ông Cao Hoài K1 về việc:

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài Đ đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 18, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 547, tờ bản đồ số 17;

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cao Hoài K1 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 548, tờ bản đồ số 17;

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Cao Thúy O với ông Cao Hoài Đ đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 17;

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Cao Thúy O với ông Cao Hoài K1 đối với thửa đất số 548, tờ bản đồ số 17;

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Cao Thúy O đối với thửa đất số 547, 548, tờ bản đồ số 17, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 17.

Các thửa đất trên tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đối với bà Cao Thúy O, ông Cao Hoài Đ, ông Cao Hoài K1 về yêu cầu công nhận cho bà Lê Thị K được quyền sử dụng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 18 và các thửa đất số 136, 155, 547, 548, cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đối với ông Cao Hoài Đ, ông Cao Hoài K1 về việc:

- Buộc ông Cao Hoài K1 phải di dời tài sản để giao trả thửa đất số 548, 136, cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre cho bà Lê Thị K.

- Buộc ông Cao Hoài Đ phải di dời tài sản để giao trả thửa đất số 547, 155, cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre cho bà Lê Thị K.

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị K phải chịu chi phí tố tụng là 9.645.000 đồng (Chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và đã nộp xong.

5. Về án phí:

Bà Lê Thị K được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thanh Tòng